

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG HỒ  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43 / 2021/ DS - ST

Ngày: 27- 4 - 2021

“V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Diên

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Văn Hưng;  
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Sen.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Hồng Cẩm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ tham gia phiên tòa:**  
Không tham gia

Ngày 27 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 271/2020/TLST - DS ngày 11 tháng 12 năm 2020 về “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2021/QĐXXST- DS ngày 16 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại cổ phần B

Trụ sở: tầng 1, 3, 4, 5, 6 Tòa nhà T số 210 T, phường T, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Doãn S – chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần B

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Thanh P- chức vụ: giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần B - Chi nhánh Vĩnh Long (*Quyết định số 6650/2017/QĐ-TGD ngày 20/6/2017 về việc ủy quyền thực hiện hoạt động tố tụng đối với Giám đốc Chi nhánh và Quyết định số 8662/2020/QĐ-B ngày 27/7/2020 về việc điều động ông Nguyễn Thanh P*)

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Thanh P: Anh Lê Văn H - Chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh Vĩnh Long

Địa chỉ: Số 01 T, Phường 1, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (Là đại diện theo văn bản ủy quyền số 964/2020/QĐ – B.VL ngày 23/11/2020 Giám đốc Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh Vĩnh Long)

- Bị đơn: Anh Trần Dũng S, sinh năm 1986

Địa chỉ: Số 41/3 ấp A, xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong đơn khởi kiện ngày 27/11/2020 nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần B (gọi tắt là Ngân hàng B) và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn anh Lê Văn H trình bày:

Ngày 27/10/2016 Ngân hàng B có ký hợp đồng tín dụng số 712.1/2016/VL-HĐTD với anh Trần Dũng S cho vay số tiền 45.000.000đ, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày 28/10/2016 đến ngày 27/10/2021, phương thức cho vay: cho vay từng lần, mục đích vay tiêu dùng, lãi suất cho vay 12%/năm, lãi suất phạt quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Trả gốc và lãi hàng tháng vào ngày 05 tây, mỗi kỳ trả gốc số tiền là 750.000đ, tiền lãi theo dư nợ thực tế

Ngày 06/9/2017 Ngân hàng B tiếp tục ký hợp đồng tín dụng số HĐTD85320170090 với anh Trần Dũng S cho vay số tiền 60.000.000đ, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày 07/9/2017 đến ngày 06/9/2022, phương thức cho vay: cho vay từng lần, mục đích vay tiêu dùng, lãi suất cho vay 12%/năm, lãi suất phạt quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Trả gốc và lãi hàng tháng vào ngày 10 tây, mỗi kỳ trả gốc số tiền là 1.000.000đ, tiền lãi theo dư nợ thực tế.

Quá trình thực hiện hợp đồng anh Trần Dũng S đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Tính đến ngày 10/11/2020 anh Trần Dũng S còn phải thanh toán cho ngân hàng B số tiền như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 712.1/2016/VL-HĐTD giải ngân ngày 28/10/2016:

+ Nợ gốc: 20.249.948 đồng

+ Nợ lãi trong hạn: 2.557.836 đồng

+ Nợ lãi quá hạn: 1.754.385 đồng

- Hợp đồng tín dụng số HĐTD85320170090 giải ngân ngày 09/7/2017:
- + Nợ gốc: 37.000.000 đồng
- + Nợ lãi trong hạn: 5.412.243 đồng
- + Nợ lãi quá hạn: 2.521.647 đồng

Nguyên đơn khởi kiện và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc anh S trả gốc và lãi tính đến ngày 10/11/2020 là 69.252.939 đồng (trong đó: tiền gốc 57.249.948đ, tiền lãi trong hạn: 7.970.079đ, tiền lãi quá hạn: 4.276.032đ); Ngân hàng B yêu cầu tiếp tục tính lãi kể từ ngày tiếp theo theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận trong hai Hợp đồng các bên đã ký đến khi anh S trả hết nợ.

Để chứng minh cho yêu cầu của mình nguyên đơn đã nộp các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện gồm: Hợp đồng tín dụng số 712.1/2016/VL-HĐTD, Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 712.1/2016/KU-01, Hợp đồng tín dụng số HĐTD85320170090, Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 85320170090/01. Ngoài ra, còn có các tài liệu, chứng cứ cần thiết khác đảm bảo thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật để giải quyết vụ án.

\* Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải đúng theo trình tự thủ tục tố tụng nhưng anh S vắng mặt không có lý do dù đã được Tòa án tổng đạt thủ tục tố tụng hợp lệ theo quy định của pháp luật. Do đó, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ bị đơn không tham gia và không tiến hành hòa giải được với nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm: anh Lê Văn H đại diện cho Ngân hàng B vẫn giữ nguyên yêu cầu trong đơn kiện kèm theo bảng kê tính lãi đến ngày xử sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu tiền lãi phát sinh từ ngày 11/11/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (27/4/2021) là: tiền lãi trong hạn: 10.995.042đ, tiền lãi quá hạn: 4.511.516đ. Tổng cộng vốn và lãi là: 72.756.506đ (Bảy mươi hai triệu bảy trăm năm mươi sáu ngàn năm trăm lẻ sáu đồng); anh S vắng mặt tại phiên tòa đến lần hai không có lý do.

Đương sự không xuất trình chứng cứ nào mới.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng B khởi kiện yêu cầu anh S trả 72.756.506đ tính đến ngày xét xử sơ thẩm, anh S vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Quá trình giải quyết, xét chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định đây là Hợp đồng tín dụng (mục đích vay tiêu dùng cá nhân) được quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015; anh S trú tại Số 41/3 ấp Long Hòa, xã Lộc Hòa, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

Anh S vắng mặt tại phiên tòa không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và điểm a, khoản 2, Điều 6 của Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với anh S.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B.

[2.1] Về tiền gốc: Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 712.1/2016/VL-HĐTD, Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 712.1/2016/KU-01, Hợp đồng tín dụng số HĐTD85320170090, Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 85320170090/01 được ký giữa Ngân hàng B và anh S, gắn liền địa chỉ Số 41/3 ấp Long Hòa, xã Lộc Hòa, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long thể hiện anh S đã vay 02 lần và đã nhận đủ với tổng số tiền là 105.000.000đ là có thật. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo cho anh S biết yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B và các thủ tục tố tụng hợp lệ theo quy định tại khoản 5 Điều 177, Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng Anh vẫn vắng mặt, theo đơn xin xác nhận nơi cư trú anh S còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ vào thời điểm ký Hợp đồng, anh S vi phạm nghĩa vụ trả nợ của hai Hợp đồng trên, chứng cứ nguyên đơn đưa ra để xác định yêu cầu là có căn cứ và hợp pháp. Do đó, Ngân hàng B yêu cầu anh S trả tiền gốc còn nợ của hai hợp đồng trên với số tiền là 57.249.956 đồng là có cơ sở chấp nhận, phù hợp Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015.

[2.2] Về tiền lãi: Căn cứ Hợp đồng hai bên có thỏa thuận lãi suất, xét thấy sự thỏa thuận mức lãi của các đương sự không phụ thuộc vào Bộ luật Dân sự mà được điều chỉnh theo Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), hai bên thỏa thuận lãi suất là tự nguyện nên căn cứ các điều 91, 95, 98 và Thông tư số: 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 về việc Hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận. Do đó, nguyên đơn yêu cầu buộc anh S phải trả tiền lãi phát sinh đến

ngày xét xử sơ thẩm (27/4/2021) theo mức lãi thỏa thuận tại hai hợp đồng là có cơ sở chấp nhận, tiền lãi được chấp nhận là 20.018.074đ.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B; buộc anh Trần Dũng S có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng B số tiền: 72.756.506đ (Bảy mươi hai triệu bảy trăm năm mươi sáu ngàn năm trăm lẻ sáu đồng).

[3] Về án phí: Ngân hàng B yêu cầu anh S trả số tiền: 72.756.506đ, được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với mức thu (05% của giá trị tranh chấp) là 3.628.000đ ; hoàn trả cho Ngân hàng B tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a, khoản 2, Điều 6 của Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Áp dụng các điều 91, 95, 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Thông tư số: 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010; Áp dụng các điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### ***Tuyên xử:***

#### **1/ Về nội dung:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần B;

Buộc anh Trần Dũng S có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B số tiền: 72.756.506đ (Bảy mươi hai triệu bảy trăm năm mươi sáu ngàn năm trăm lẻ sáu đồng); trong đó: Nợ gốc 57.249.956đ; tiền lãi trong hạn: 10.995.042đ, tiền lãi quá hạn: 4.511.516đ

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (28/4/2021) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 712.1/2016/VL-HĐTD ngày 27/10/2016 và Hợp đồng tín dụng số HĐTD85320170090 ngày 06/9/2017 các bên đã ký.

## **2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:**

2.1/ Buộc anh Trần Dũng S phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.628.000đ (Ba triệu sáu trăm hai mươi tám ngàn đồng);

2.2/ Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.731.000đ (Một triệu bảy trăm ba mươi một ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số N<sup>0</sup> 0006332 ngày 11/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 (mười lăm ) ngày tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- THADS huyện Long Hồ;
- VKSND huyện Long Hồ ;
- TAND tỉnh VL;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

**Nguyễn Văn Diện**